

NGHỊ ĐỊNH

Quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 thảng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi chung là di tích).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giám định cổ vật; tố chức, cá nhân tham gia hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi là tu bổ di tích) trên lãnh thố Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giám định cổ vật là việc đánh giá, kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, niên đại, chất liệu của cổ vật nhằm phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị cổ vật, đăng ký cổ vật hoặc các mục đích dân sự, thương mại khác.
2. Hành nghề tu bổ di tích bao gồm:
3. Hành nghề lập quy hoạch tu bố di tích;
4. Hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích;
5. Hành nghề thi công tu bổ di tích;
6. Hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

Chương II

KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

Điều 4. Điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

Tổ chức kinh doanh giám định cổ vật phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Có kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định.
2. Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.
3. Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật.
4. Có ít nhất 05 (năm) chuyên gia giám định cổ vật phù hợp với yêu cầu hoạt động giám định.

Điều 5. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có thấm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đối với các tố chức giám định có trụ sở chính trên địa bàn.
2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật có thấm quyền cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Tổ chức giám định cổ vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ bao gồm:
2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
3. Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;
4. Danh sách kèm theo lý lịch khoa học (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia;
5. Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc họp đồng lao động giữa tổ chức giám định cổ vật và các chuyên gia;

đ) Danh mục trang thiết bị, phương tiện đế thực hiện giám định;

1. Danh mục các nguồn tài liệu về cổ vật để phục vụ hoạt động giám

định.

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao căn cứ vào các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mau số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật được cấp lại trong các trường hợp sau:
2. Bị mất hoặc bị hỏng;
3. Có sự thay đổi các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp.
4. Thủ tục cấp lại Giấy chúng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ

vật:

1. Tổ chức giám định cổ vật gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ bao gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
* Bản chính Giấy chúng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đối các thông tin;

Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi các thông tin.

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
2. Tổ chức giám định cổ vật không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này;
3. Tổ chức giám định cổ vật giải thể hoặc tự chấm dứt hoạt động giám định cổ vật;
4. Các trường hợp bị thu hồi khác theo quy định của pháp luật.
5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định co vật thông báo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đến tố chức, cá nhân vi phạm, đồng thời thông báo đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CHƯƠNG III.

NGHỀ TU BỔ DI TÍCH

MỤC 1

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TU BỔ DI TÍCH

Điều 9. Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích được cấp cho cá nhân khi đáp ứng đủ các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thế sau:

1. Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:
2. Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư;
3. Đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
4. Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 03 (ba) quy hoạch tu bổ di tích hoặc 05 (năm) dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt.
5. Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:
6. Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng;
7. Đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ Văn hóa, Thế thao và Du lịch;
8. Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích ít nhất 03 (ba) di tích đã được phê duyệt.
9. Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:
10. Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;
11. Đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bố di tích theo quy định của Bộ Văn hóa, Thế thao và Du lịch;
12. Đã tham gia thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao.
13. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:
14. Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;
15. Đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bố di tích theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
16. Đã tham gia giám sát thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao.

Điều 10. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề

Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề

1. Cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đến Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có thấm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại Điều 11 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:
2. Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
3. Bản sao Chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, hành nghề kỹ sư xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điếm a khoản 1, điểm a khoản 2, điếm a khoản 3 và điếm a khoản 4 Điều 9 Nghị định này;
4. Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;
5. Bản khai kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Mẩu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Bản khai phải có xác nhận của tố chức nơi người đó đã làm việc hoặc đang làm việc; người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận;

đ) 02 (hai) ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kế từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao có trách nhiệm kiếm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.
2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề (Mau số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề

1. Chứng chỉ hành nghề được cấp lại trong các trường hợp sau:
2. Hết hạn sử dụng;
3. Bị mất hoặc bị hỏng;
4. Bổ sung nội dung hành nghề.
5. Trình tự, thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề:
6. Cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề đến Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp Chứng chỉ. Hồ sơ bao gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
* Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp đối với trường hợp Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng hoặc bố sung nội dung hành nghề;
* 02 (hai) ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp thì phải gửi kèm theo hồ sơ quy định tại điếm b, c và d khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

1. Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thaoxem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề. Trường họp từ chối cấp lại Chứng chỉ hành nghề phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với các trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề thì thời hạn cấp lại như cấp mới.

1. Nội dung và thời hạn của Chứng chỉ hành nghề cấp lại được ghi như sau:
2. Đối với trường hợp bị mất hoặc bị hỏng, bị lỗi, ghi theo đúng nội dung và thời hạn của Chứng chỉ hành nghề cũ;
3. Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hành nghề, ghi bố sung nội dung hành nghề theo thời hạn của Chứng chỉ hành nghề cũ;
4. Đối với trường hợp hết hạn thì nội dung và thời hạn ghi trong Chứng chỉ hành nghề được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Điều 13. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề

1. Chứng chỉ hành nghề bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
2. Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích không đúng với phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
3. Không tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
4. Cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
5. Tự ý tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;

đ) Các trường hợp bị thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao cấp Chứng chỉ hành nghề thông báo quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề đến tổ chức, cá nhân vi phạm, đồng thời thông báo đến Bộ Văn hóa, Thế thao và Du lịch và Bộ Xây dựng.

MỤC 2

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ TU BỔ DI TÍCH

Điều 14. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:
2. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
3. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động của tố chức thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;
4. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích, trong đó có ít nhất 01 (một) người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về xây dựng;
5. Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 01 (một) quy hoạch tu bổ di tích hoặc ít nhất 02 (hai) dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bố di tích, thiết kế tu bổ di tích được phê duyệt.
6. Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:
7. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
8. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc tổ chức tư vấn khi làm tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng;
9. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích, trong đó có ít nhất 01 (một) người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm lập dự án tu bố di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bố di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng;
10. Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt.
11. Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:
12. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
13. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng khi thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;
14. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bố di tích, trong đó có ít nhất 01 (một) người đủ điều kiện năng lực chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng;
15. Có đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
16. Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bố di tích:
17. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
18. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;
19. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

Điều 15. Thấm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề

1. Tổ chức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề đến Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền cấp Giấy Chứng nhận hành nghề theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:
2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
3. Danh sách người có Chứng chỉ hành nghề, cá nhân đảm nhận các chức danh liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề quy định tại điếm c khoản 1, điếm c khoản 2, điếm c khoản 3 và điếm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này kèm theo bản sao chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích;
4. Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh; danh sách công nhân viên của tổ chức (có xác nhận, ký, đóng dấu);
5. Giấy tờ chứng minh kinh nghiệm tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích, thi công tu bố di tích, giám sát thi công tu bố di tích được phê duyệt, gồm Bản khai danh mục các công trình di tích mà tổ chức đã tham gia tu bổ. Bản khai phải có xác nhận của tố chức; người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.
6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kế từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thế thao cấp Giấy chứng nhận hành nghề có trách nhiệm kiếm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.
7. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kế từ ngày nhận đủ hồ sơ họp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường họp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 17. Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề

1. Giấy chứng nhận hành nghề được cấp lại trong các trường họp như cấp lại Chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này
2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề:
3. Tổ chức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hô sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp Giấy chứng nhận hành nghề. Hồ sơ bao gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
* Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng hoặc bố sung nội dung hành nghề;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp thì phải gửi kèm theo hồ sơ quy định tại điếm b, c và d khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

1. Đối với trường họp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bố sung nội dung hành nghề thì thời hạn cấp lại như cấp mới.

3. Nội dung và thời hạn của Giấy chứng nhận hành nghề cấp lại được ghi như quy định đối với Chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề

Việc thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề được thực hiện như quy định đối với Chứng chỉ hành nghề quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Các Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật, Chứng chỉ hành nghề và Giấy chứng nhận hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn. Việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận hành nghề đối với tố chức, cá nhân đã được Bộ Văn hóa, thế thao và Du lịch cấp Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận hành nghề sau ngày Nghị định này có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo

Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật,Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận hành nghề định kỳ hàng năm có trách nhiệm báo cáo Bộ Văn hóa, Thế thao và Du lịch hoạt động cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt độnggiám định cổ vật,Chứng chỉ hành nghề, Giấy chúng nhận hành nghề trước ngày 31 tháng 12.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.

Nơi nhận:

* Ban Bí thư Trung ương Đảng;
* Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
* VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
* HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
* Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
* Văn phòng Chủ tịch nước;
* Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
* Văn phòng Quốc hội;
* Tòa án nhân dân tối cao;
* Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
* UB Giám sát tài chính QG;
* Kiểm toán Nhà nước;
* Ngân hàng Chính sách Xã hội;
* Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
* ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
* Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
* ỴPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP,

Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đon vị trực thuộc, Công báo;

* Lưu: Văn thư, KGVX (5b). KN.

TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc